TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án: 318/2017/DS-ST
Ngày: 20-12-2017
V/v tranh chấp: "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám.
2. Ông Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp *"Đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 04, ấp Hiệp Hòa, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Thanh Tuấn, sinh năm 1974;

2.2. Bà Phạm Thị Ngọc Thùy (Nguyễn Thị Thùy).

Cùng địa chỉ: số 117, tổ 04, ấp Hưng Hòa, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2.3. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu (Nguyễn Thị Phường);

2.4. Ông Võ Thanh Lợi (Võ Văn Muội), sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: tổ 08, ấp Hiệp Hòa, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Ông Tuấn, bà Thùy, bà Liễu và ông Lợi vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy Hằng trình bày:

Bà là chủ hụi, vợ chồng ông Tuấn, bà Thùy và vợ chồng ông Lợi, bà Liễu là hụi viên có tham gia chơi của bà nhiều dây hụi và họ đã hốt hết. Sau khi hốt hết hụi họ chẳng những không đóng lại hụi chết mà còn cố tình trốn tránh trách nhiệm. Bà có đi tìm họ để đòi nhiều lần đến ngày 20/01/2011 bà có gặp được bà Liễu, đôi bên kết toán nợ tổng cộng số tiền hụi mà vợ chồng ông ông Lợi, bà Liễu còn nợ bà là 162.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà Liễu ký và ghi họ tên Nguyễn Thị Phường. Sau đó đến ngày 01/02/2013, bà tiếp tục tìm gặp được ông Tuấn, đôi bên cũng kết toán nợ tổng cộng số tiền hụi mà vợ chồng ông Tuấn, bà Thùy còn nợ bà là 89.000.000 đồng và cũng có làm biên nhận do ông Tuấn ký và ghi họ tên nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lợi, bà Liễu cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền 162.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; buộc vợ chồng ông Tuấn, bà Thùy cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền 89.000.000 đồng, cũng không yêu cầu tính lãi.

Tại bản lấy lời khai ngày 16/8/2017, bị đơn ông Võ Thanh Lợi trình bày: ông là chồng của bà Liễu, vợ chồng ông chung sống từ năm 1978-1979 cho đến nay chưa đăng ký kế hôn. Cách đây 04 đến 05 năm về trước, bà Liễu đi làm cơ sở bánh tại Đà Nẵng cho đến nay, đến Lễ hoặc Tết thì thỉnh thoảng có về quê. Vào năm 2014 đến 2015 vợ ông có nợ bà Hằng số tiền hơn 60.000.000 đồng và ông đã trả xong. Nay bà Hằng yêu cầu trả số tiền 162.000.000 đồng, ông không đồng ý vì phần nợ này là của vợ ông, ông không liên quan. Ông xác nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 20/01/2011 là của vợ ông là Nguyễn Thị Bích Liễu tên gọi khác là Nguyễn Thị Phường.

Tại bản khai ngày 17/8/2017 và bản lấy lời khai ngày 22/8/2017, bi đơn ông Phạm Thanh Tuấn trình bày: Vào ngày 25/7/2012, vợ chồng ông có tham gia chơi một dây hụi 5.000.000 đồng do bà Hằng làm chủ, có danh sách vợ ông là hụi viên tại số 11 tên Út Tuấn. Hụi khui đến lần thứ 7 tức ngày 25/01/2013 thì vợ chồng ông hốt hụi được 89.000.000 đồng và ông có ký nhận và biên nhận ngày 01/02/2013, sau đó vợ chồng ông đã đóng lại hụi đã hốt xong nên không còn nợ gì phía bà Hằng, những lần đóng hụi lại ông không có chứng cứ gì để chứng minh. Do ông đã đóng hụi lại xong nên ông không đồng ý việc bà Hằng kiện vợ chồng ông phải trả số tiền 89.000.000 đồng. Ngoài dây hụi này ra thì ông không còn tham gia dây hụi nào khác của bà hằng, riêng vợ ông thì ông được biết là có tham gia chơi dây thêm một hụi 1.000.000 đồng cũng do bà Hằng làm chủ nhưng ông không biết cụ thể vợ ông đã hốt hay chưa và có nợ gì bà Hằng dây hụi nào không. Hiện nay vợ ông đã bỏ đi và ông cũng không biết là đang ở đâu.

Bà Phạm Thị Ngọc Thùy và bà Nguyễn Thị Bích Liễu đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Tuấn, bà Thùy và ông Lợi, bà Liễu đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và triệu đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau:

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy ông Lợi, bà Liễu có tham gia chơi hụi do bà Hằng làm chủ và đã nhận của bà Hằng số tiền là 162.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/01/2011 do bà Liễu ký tên. Mặc khác, ông Lợi biết việc bà Liễu tham gia chơi hụi do bà Hằng làm chủ và số tiền 162.000.000 đồng là do tham gia hụi của bà Hằng còn nợ lại theo biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2017 của ông Lợi. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy ông Tuấn, bà Thùy có tham gia chơi hụi do bà Hằng làm chủ và đã nhận của bà Hằng số tiền là 89.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/02/2013 do ông Tuấn ký và ghi họ tên và biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2017 của ông Tuấn. Mặc khác, ông Tuấn còn cho rằng số tiền 89.000.000 đồng vợ chồng ông đã trả dứt điểm nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Thanh Tuấn, bà Phạm Thị Ngọc Thùy và vợ chồng ông Võ Thanh Lợi, bà Nguyễn Thị Bích Liễu phải liên đới trả số tiền còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về *"Kiện đòi tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Tuấn, bà Thùy và ông Lợi, bà Liễu với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ông Lợi, bà Liễu và ông Tuấn bà Thùy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Hằng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lợi, bà Liễu phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền còn nợ là 162.000.000 đồng căn cứ theo biên nhận nợ. Tòa đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là bà Liễu vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của những người làm chứng và lời khai của ông Lợi cho thấy ông Lợi, bà Liễu có tham gia chơi hụi do bà Hằng làm chủ và đã nhận của bà Hằng số tiền là 162.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/01/2011 do bà Liễu ký tên. Mặc khác, ông Lợi biết việc bà Liễu tham gia chơi hụi do bà Hằng làm chủ và số tiền 162.000.000 đồng là do tham gia hụi của bà Hằng còn nợ lại. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để được HĐXX chấp nhận.

Song song đó, bà Hằng cũng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Tuấn, bà Thùy phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền còn nợ là 89.000.000 đồng căn cứ theo biên nhận nợ. Tòa đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là bà Thùy vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của những người làm chứng và lời khai của ông Tuấn cho thấy ông Tuấn, bà Thùy có tham gia chơi hụi do bà Hằng làm chủ và đã nhận của bà Hằng số tiền là 89.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/02/2013 do ông Tuấn ký và ghi họ tên. Mặc khác, ông Tuấn còn cho rằng số tiền 89.000.000 đồng vợ chồng ông đã trả dứt điểm nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để được HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Ông Lợi, bà Liễu phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là: 162.000.000 đồng x 5% = 8.100.000 đồng.

Ông Tuấn, bà Thùy phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là: 89.000.000 đồng x 5% = 4.450.000 đồng.

Bà Hằng không phải chịu án phí được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016050 và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0016049 cùng ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 166; Điều 288; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Buộc ông Võ Thanh Lợi (Võ Thanh Muội) và bà Nguyễn Thị Bích Liễu Nguyễn Thị Phường) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hằng số tiền là 162.000.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Buộc ông Phạm Thanh Tuấn và bà Phạm Thị Ngọc Thùy (Nguyễn Thị Thùy) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hằng số tiền là 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí, chi phí tố tụng:

- Ông Lợi, bà Liễu phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng).

- Ông Tuấn, bà Thùy phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.450.000 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Hằng không phải chịu án phí được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

0016050 ngày 21 tháng 7 năm 2017 và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0016049 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.